

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017

1. Thông tin chung về trường

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ

- Tên trường: Trường Đại học Dược Hà Nội.

- Sứ mệnh: Trường Đại học Dược Hà Nội là trường có sứ mạng đi tiên phong trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ Dược cho ngành y tế Việt Nam đặc biệt là đào tạo đội ngũ chuyên gia có trình độ cao ngang tầm khu vực và thế giới. Trường phải là một trong những trung tâm hàng đầu của cả nước về nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, là đầu mối giao lưu quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành Dược.

- Địa chỉ Trường: số 13, 15 - Lê Thánh Tông - Q. Hoàn Kiếm - TP. Hà Nội.

- Địa chỉ trang thông tin điện tử của Trường: www.hup.edu.vn.

1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại	
	Đối tượng	Số lượng
Nhóm ngành VI	Nghiên cứu sinh	52
	Học viên cao học	182
	Sinh viên đại học	3059
	Sinh viên cao đẳng	377
	Tổng	3670

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm 2015, 2016

1.3.1. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia 3 môn Toán học, Vật lý và Hóa học.

1.3.2. Điểm trúng tuyển

Nhóm ngành VI/Ngành Dược học	Năm 2015			Năm 2016		
	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT	Chỉ tiêu	Số TT	Điểm TT
Tổ hợp: Toán học, Vật lý, Hóa học	550	571	26,75	600	713	26,75

2. Các thông tin tuyển sinh năm 2017

2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 6 của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy ban hành theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/1/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Không tuyển thí sinh dị tật, khuyết tật chân tay.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

- Tuyển sinh trong cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh

- Nhà trường xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc Gia năm 2017 bài thi Toán học và môn thi Vật lý, Hóa học của bài thi Khoa học tự nhiên.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

- 600 chỉ tiêu đại học chính quy ngành Dược học.

2.5. Điều kiện nhận ĐKXT; ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

- Đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.
- Nhà trường sẽ thông báo cụ thể ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào năm 2017 của Trường sau khi có thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT

- Mã Trường: DKH.
- Ngành tuyển sinh: Dược học.
- Mã số ngành: 52720401.
- Tổ hợp xét tuyển: bài thi Toán học và môn thi Vật lý, Hóa học của bài thi Khoa học tự nhiên.
- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Trong trường hợp cần thiết, sau khi xác định tổng điểm chuẩn trúng tuyển mà số thí sinh trong danh sách đạt điểm chuẩn vượt trên chỉ tiêu đã xác định thì Hội đồng tuyển sinh Nhà trường thực hiện xét tuyển các thí sinh có tổng điểm tổ hợp bằng nhau ở cuối danh sách theo tiêu chí bổ sung để lấy đủ chỉ tiêu, cụ thể như sau:
 - + Tiêu chí bổ sung 1: thí sinh có điểm môn thi Hóa học cao hơn sẽ trúng tuyển.

Sau khi xét tiêu chí bổ sung 1 mà vẫn chưa xác định được điều kiện trúng tuyển, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường thực hiện xét tuyển theo tiêu chí bổ sung 2, cụ thể như sau:

+ Tiêu chí bổ sung 2: thí sinh có điểm bài thi Toán cao hơn sẽ trúng tuyển.

2.7. Tổ chức tuyển sinh

- Nhà trường xét tuyển các đợt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu.

- Sau khi xét tuyển đợt 1, nếu còn chỉ tiêu tuyển sinh Nhà trường sẽ thông báo nhận hồ sơ ĐKXT bổ sung theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hình thức nhận ĐKXT: theo phương thức trực tuyến.

2.8. Chính sách ưu tiên

2.8.1. Các đối tượng xét tuyển thẳng:

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học.

b) Người đã trúng tuyển vào Trường Đại học Dược Hà Nội, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức.

c) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Hóa học, thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Hóa học đã tốt nghiệp trung học được tuyển thẳng vào đại học.

Từ năm 2019, Trường Đại học Dược Hà Nội chỉ xét tuyển thẳng cho thí sinh là thành viên đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Hóa học, thí sinh đoạt giải nhất, nhì trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Hóa học đã tốt nghiệp trung học vào đại học.

d) Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế và thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia có đề tài thuộc lĩnh vực Hóa học đã tốt nghiệp trung học được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng vào

đại học. Mỗi đề tài chỉ được xét tuyển thẳng một lần cho một tác giả chính (có xác nhận của các đồng tác giả trong nhóm nghiên cứu).

Các thí sinh thuộc đối tượng này phải nộp nội dung đề tài đã dự thi cùng hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng để Hội đồng tuyển sinh Nhà trường xem xét xét tuyển.

Từ năm 2019, Trường Đại học Dược Hà Nội không xét tuyển thẳng đại học đối với thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế và thí sinh đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia.

e) Đối với thí sinh là người nước ngoài: Nhà trường căn cứ kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt để xem xét, quyết định cho vào học.

f) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; thí sinh là người dân tộc rất ít người theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ. Những thí sinh trúng tuyển sẽ phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức.

2.8.2. Các đối tượng ưu tiên xét tuyển

Đối tượng ưu tiên xét tuyển là các thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba môn Toán học, Vật lý trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia đã tốt nghiệp trung học, sau khi hoàn thành kỳ thi THPT quốc gia, có kết quả thi đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường Đại học Dược Hà Nội năm 2017.

2.9. Lệ phí xét tuyển: theo quy định hiện hành.

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy năm học 2017-2018, lộ trình tăng học phí:

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021, Trường Đại học Dược Hà Nội dự kiến:

- Học phí năm học 2017-2018: 1.070.000 đồng/tháng.
- Học phí năm học 2018-2019: 1.180.000 đồng/tháng.
- Học phí năm học 2019-2020: 1.300.000 đồng/tháng.
- Học phí năm học 2020-2021: 1.430.000 đồng/tháng.

Các mức học phí trên có thể thay đổi khi Chính phủ có văn bản điều chỉnh.

3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

3.1. Cơ sở vật chất

3.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá

- Tổng diện tích đất: 220100 m² (bao gồm 205400 m² đất cơ sở Bắc Ninh).
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học: 18907 m² (bao gồm sân tập giáo dục thể chất và vườn thực vật).
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 630.

3.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

- Tổng giá trị trang thiết bị: 158.152.689.675 đồng

TT	Tên phòng TH/TN	Các trang thiết bị chính
1	BM Bào chế	Máy đóng nang; Máy đùn viên hạt cải; Máy đo áp suất thẩm thấu Gonotec; Máy đo độ mài mòn viên PTF20E-Pharmatest; Máy dập viên; Máy kiểm tra độ trơn chảy hạt Erweka GWF; Máy ly tâm Z200A Hermle; Máy nghiền siêu mịn MM200 RETCH; Máy nhào trộn AR-400 ERWEKA Đức; Máy phun sấy LABPLANT SD05; Máy quang phổ UV-VIS Helios Gamma Unicam; Máy xác định độ rã thuốc viên ZT4-1; Máy xay bột mịn phòng thí nghiệm MF10 IKA Đức; Nồi hấp SA 30VF Đài Loan; Sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC Finigan Mỹ; Thiết bị đánh giá giải phóng dược chất thuốc đạn Pharmatest; Thiết bị đo độ nhớt LVDVE Book fiend Mỹ; Thiết bị đo độ thấm của dược chất qua da HANSON RESEARCH; Thiết bị tăng sôi mini Uniglatt; Tủ sấy; Tủ vi khí hậu; Máy soi thuốc tiêm; Máy đo độ hoà tan 6 cốc; Hệ thống đa chức năng dùng cho phòng thí nghiệm; Máy dập viên thuốc quay tròn mini; Bộ nồi trộn thuốc mỡ; Bộ tạo viên hạt cải Pelletier; Máy bao phim cỡ nhỏ; Máy đông khô; Máy đo độ cứng viên nén; Máy nén khí; Hệ thống máy khuấy đồng nhất tốc độ cao; Máy đóng thuốc phun mù và phụ kiện BS-8005 Bestone; HT máy đóng ống tiêm (b.gồm li tâm lạnh, bể ổn nhiệt lạnhTH); Máy thử độ giải phóng thuốc đạn Erweka DT620; Bộ sàng dây phân tích kích thước hạt; Tủ pha chế vô khuẩn Biobase, BSC-1500III; Thiết bị lọc tuyến tính Spectrumlabs, C02-S050-05-N; Thiết bị đồng nhất hóa liposome bằng PP ép qua màng Mini ..; Máy lọc nước siêu sạch Elga, PurelabClassic UV(490-502ADBNS); Buồng pha chế

		vô khuẩn Class 2 (490-502ADBNS); Máy đóng túi thuốc bột (520-526NSADBTW); Máy phân tích cỡ hạt (520-526NSADBTW); Máy tạo nang mềm ép khuôn (520-526NSADBTW); Máy đo hấp thụ chất rắn (520-526NSADBTW); Nồi cách thủy Daihan Scientific WB-22; Thiết bị phun bao phim Vangaurd; Máy xay SPM 15B; Máy đồng hóa bằng siêu âm UP 200Ht; Máy nén khí không dầu SWan SDU-310; Hệ thống bơm chân không dầu van quay hai cấp VRC - 400-14; Nồi cách thủy Daihan Scientific WB-22; Máy đồng nhất mẫu bằng siêu âm Qsonica Q500 (520-526NSADBTW)
2	BM Công nghiệp Dược	Máy đông khô phòng thí nghiệm; Máy đóng nang thủ công; Máy đùn cốm và tạo hạt cầu QZY-350; Máy đo độ rắn viên nén ZT41 Erweka; Máy lắc có điều khiển tốc độ HS 501 IKA; Máy phun sấy B191 Buchi; Máy sấy tầng sôi Diosna Minilab; Mách tách chiết dược liệu 1200 viên SN 450; Máy trộn cốm khô mini CH 50; Máy đo pH để bàn PH 900 Precsica; Máy xay CW 180 Thượng Hải; Tủ ẩm 53 lít BD53 Binder Đức; Tủ sấy Memmert ULM-500; Tủ vô trùng (dự án 05); Lò nung Stuart Sei S1203 PID/S; Máy đo độ chảy Metler Toledo FP 62; Máy lắc IKA KS-125; Máy ly tâm Hettich Rotine 46; Máy sấy khô khí nén; Máy sấy khí nitơ Doumic Hunter UHPN 0751; Máy thử độ hòa tan Erweka DT-60; Nhót kế Cole Pammer P-98936-15; Phân cực kế A-Kruss P1000; Sắc ký lỏng HPLC Shimadzu; Tủ lạnh sâu Deep Preezer Unioryo Gss; Máy ly tâm lạnh Sygma 3-18 K; Điện di trên gel mini-Protean 3; Bể rửa siêu âm Bransonic 3510E - MTH; Tủ ẩm CO2 MCO15AC Sanyo; Máy tạo khí Hydrogen; Thiết bị Hydrró hoá; Máy gia nhiệt cho phản ứng; Hệ thống bơm chân không; Máy cất quay chân không; Bể lắc siêu âm; Nồi hấp tiết trùng; Buồng cấy vi sinh class II; Máy quang phổ UV-VIS; Máy đo độ hoà tan thuốc viên; Hệ thống bình thủy tinh; Hệ thống cất quay chân không 20lít; Thiết bị làm ngưng nhanh; Máy đo nhiệt độ nóng chảy; Hệ thống bình phản ứng chịu áp lực; Tủ sấy chân không; Nồi hấp tiết trùng KT 2346; Máy khuấy cơ học IKA; Máy đo độ cứng viên nén PTB 511E; Máy đo độ đục dung dịch; Máy tạo hoàn cứng tự động loại nhỏ DZ 20; Máy chiết siêu âm Sonics, VC 505; Máy đo vòng vô khuẩn IUL; Máy lắc ổn nhiệt cỡ nhỏ KWF, LSI 100B; Hệ thống điện phân; Tủ nuôi cấy vi sinh Biobase, BSC-1300IIA2-X; Máy cất nước 1 lần Favorit, WCS/8L; Máy dập viên tâm sai Gylongli, DP30A; Tủ nuôi cấy vô trùng SC2-4A1 (Esco-Singapore) 520-526NSADBTW; Tủ vi khí hậu mức 2 5800RHSHP (Contherm) (520-526NSADBTW); HT tích hợp máy trộn, xát hạt, sửa hạt CS nhỏ (520-526NSADBTW); Tủ nuôi cấy vi sinh (520-526NSADBTW); Bơm nhu động; Máy nghiền dạng cắt; Máy dập viên quay trong 16 chày
3	BM Dược học cổ truyền	Bộ cất quay chân không R200 Buchi; Máy xay dược liệu SGF-130A; Quang phổ UV- VIS U1800 Hitachi; Tủ sấy hiện số Shellab 1260 FX-2E; Máy ly tâm; Tủ sấy dung tích 1000l; Chiết suất siêu âm WUC-D22H; Tủ sấy chân không WOV-70; Sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao HPTLC Camag+Phụ kiện; Hệ thống chụp ảnh và phân tích dữ liệu CAMAG TLC Visualizer; Bếp bảo ôn các loại; Bộ định lượng tinh dầu trong dược liệu; Bộ chiết xuất hồi lưu; Bộ cất dung môi

4	BM Được lâm sàng	Máy ly tâm để bàn EBA20 Hettich
5	BM Được liệu	Bộ đèn UV soi sắc ký CN6 Vilber Lourmat; Bộ cất quay chân không R200 Butchi; Bộ sắc ký lớp mỏng định lượng Camag; Cân xác định hàm ẩm; Kính hiển vi 2 mắt; Kính hiển vi truyền hình Camera; Máy cất quay Butchi; Máy ly tâm PLC; Tủ sấy để bàn; Máy quang phổ UV-VIS; Máy chiết siêu âm Sonics, VC-505; Hệ thống máy sắc ký khí khối phổ GCMS, 7890A (490-502ADBNS); Bộ định lượng tinh dầu; Hệ thống máy chụp ảnh bản mỏng và phân tích dữ liệu TLC Visualizer
6	BM Được lực	Buồng nuôi cơ quan cô lập Ugo Basile 4000; Bộ chuyển đổi co thắt phổ quản 7020 Panlab letica; Kính hiển vi 2 mắt YS 100 Nikon; Máy đo độ phù chân chuột LE 7500 Panlab; Máy đo HA gián tiếp LE5002 Ugobasil; Máy ghi 1 kênh Ugo Basile; Máy kích thích điện 1 kênh LI-12006; Máy kích thích điện 4 kênh LE 12406-TC; Máy ủ ẩm dùng cho HA chuột LP 5610; Quang phổ UV-1240 Shimadzu; Tủ sấy Memmert UM 500 Đức; Trục quay Rota-Rod 7650 Ugo basile; Thiết bị ghi điện 1 kênh; Máy đo PH để bàn; Máy đo phản xạ bằng bản nhiệt; Bộ đo giảm đau trên bàn chân chuột; Tủ ẩm điều nhiệt và phụ kiện (b.gồm máy nghiền đồng thể); Máy ly tâm thường và phụ kiện Gilson; Hốt nuôi cấy vô trùng và phụ kiện BIO AIR; Máy cất nước 2 lần Hamilton; Nồi hấp tiệt trùng và phụ kiện ALP; Hệ thống chụp ảnh và phân tích hình ảnh gen và phụ kiện UVP; Tủ lạnh sâu MDF SANYO và hệ thống cung cấp nguồn điện; Tủ ẩm nuôi tế bào có gắn bình CO2 MCO-15AC, SANYO; Máy điện di đứng BIORAD; Tủ lạnh sâu 58T-560L Denver; Máy ly tâm dùng trong sinh học phân tử để tách AND 5415R; Máy ly tâm lạnh 5702R; Hệ thống Elisa; Kính hiển vi soi ngược CKX 41-Olympus; Hệ thống PCR Eppendorf; Hệ thống máy Real-time PCR; Máy điện di AND, HU10; Máy lắc ngang Multi Bio 3D; Máy ly tâm thường Hettich, EBA20; Máy đo sinh hóa máu Teco, TC3300 Plus; Máy ủ có lắc TSC Biometra GmbH (520-526NSADBTW); Bộ khuếch đại tín hiệu kiểu lực cơ cơ (520-526NSADBTW); Máy đo hoạt tính vận động (520-526NSADBTW); Máy (lồng) ghi chuyển hóa (520-526NSADBTW); Máy (lồng) ghi phản xạ có điều kiện (520-526NSADBTW); Máy hút chân không (520-526NSADBTW); Máy phân tích huyết học của động vật 20 thông số Urit-3000; Bơm tiêm điện tự động Terumo TE-SS700(520-526NSADBTW); Bơm tiêm điện tự động Terumo TE-SS700(520-526NSADBTW)
7	BM Hóa được	Lò nung Linn LM 312-10; Máy ly tâm để bàn EBA20 Hettich; Máy cất quay CK chuyên dụng R200 Basic; Máy chuẩn độ tự động 809Titrande-Mettrohm; Máy xác định nhiệt nóng chảy SMP 3 Stuart; Phân cực kế để bàn Kruss; Quang phổ UV-VIS; Tủ sấy ED 115 Binder; Bơm hút chân không; Máy sinh khí Hydro; Máy cất quay chân không R210; Thiết bị Hydrogen hóa 3911-PAR; Tủ sấy chân không WOV-70; Máy khuấy từ IKA; Máy làm bay hơi mẫu bằng khí N2 Zantek, Zipvap 8; Tủ lạnh âm sâu 80 độ MR-HV-80-200; Thiết bị làm lạnh bình phản ứng B6/-85; Sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao HPTLC Camag+Phụ kiện; Máy lắc xoay IKA HS-260 Basic; Hệ thống bơm chân không Rocker; Hệ thống bình phản ứng thủy tinh

		Lenz; Máy khuấy cơ Daihan Scientific, HS120A; Máy khuấy từ gia nhiệt Daihan MSH-20A; Máy quang phổ hồng ngoại (520-526NSADBTW); Máy đo năng suất quay cực cơ Euromex - 99.400; Tủ bảo quản mẫu
8	BM Hóa phân tích	Lò nung ThermConcept; Hệ thống điện di mao quản 3D CE Agilent technologies; Máy ly tâm PLT 012 Germany; Đèn Cathode rỗng + dd chuẩn 4 loại; Bơm mẫu tự động cho AAS ASC -6100 Nhật; Bộ hydrat hóa HVG- 1 Shimadzu; Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử AA-6800; Lò Graphite GFA - EX7 Shimadzu; Máy tạo khí Nitơ Claind; Sắc ký khí Fision (Carlo Eva) GC 8000 TOP; Máy quang phổ UV- VIS; Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Model 1200; Máy cực phổ 797VA; Máy phân tích nhiệt TGA Metler Toledo TGA/DSC 1; Máy quang phổ huỳnh quang Agilent/ CaryEclipse 490-502ADBNS; Cân kỹ thuật điện tử 0,01 Sartorius, TE412; Cân phân tích điện tử 0,0001 Sartorius, TE214S; Máy cất nước hai lần Hamilton WSC/4D; Máy đo PH Metler Toledo FE 20 Kit; Máy ly tâm lạnh tốc độ cao Kubota 6500 (520-526NSABDTW); Tủ lạnh âm -86 độ C(500l)MDF-594-PB Panasonic 520-526NSADBTW; Máy thử độ hòa tan Erweka DT626; Máy đo lưu biến (520-526NSADBTW); Hệ thống phân tích khối phổ LCMSMS/ESI/APCI(520-526NSADBTW); Hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao HPTLC (520-526NSADBTW; HT máy quang phổ phát xạ (m.tính, máy in) (520-526 ADBNS); Máy lọc nước siêu sạch Elga Purelab Classic UV; Máy điện di mao quản
9	BM Hóa Sinh	Máy hydrogen hóa PARR; Máy ly tâm PLC-012 Gemmy; Máy quang phổ UV-VIS Hitachi; Nồi hấp tiệt trùng HV 25 Hyrayama; Tủ âm 53 lít BD53 Binder; Tủ sấy để bàn ULM 500 Memmert; Tủ sấy chân không Heraeus VTR-5022; Máy đếm khuẩn lạc SibataSci-tech CL-560; Máy đo quang photometer; Máy cất quay chân không; Máy ly tâm PLC012E; Máy phân tích sinh hóa nước tiểu; Máy phân tích sinh hóa máu; Máy điện di mini Scien-plas; Tủ lạnh âm sâu 80 độ MR-HV-80-200; Máy đông khô ALPHA 1-2 Ldplus; Máy ly tâm lạnh tốc độ cao Hettich, Mikro 220R+ phụ kiện; Máy điện di AGAROSE Consort E3200; Bộ giá trữ lạnh ống EPPENDORF; Bể ổn nhiệt Biobase, SY-1L4H; Máy ly tâm Spin down Daihan Scientific, CF-5; Máy điện di gel Consort E3200 (bộ nguồn EV231); Máy nhân gen (PCR) C1000 Touch Bio-rad (520-526NSADBTW); Hệ thống chụp và phân tích Gel InfinityVX2 (520-526NSADBTW); Hệ thống điện di đẳng điện Bio-Rad/Mini Protean 520-526NSADBTW; Hệ thống Elisa (Bio-Rad Laboratories) (520-526NSADBTW); Kính hiển vi nổi camera, máy tính (Eclipse Ci-L) 520-526ADBTW; Tủ nuôi cấy vô trùng SC2-4A1 (Esco-Singapore) 520-526NSADBTW; Tủ ấm CO2 (MCO-18AC-PE) Panasonic (520-526NSADBTW); Máy đẩy ép qua màng (520-526NSADBTW); Máy hút dung dịch bằng chân không Accuris V0020; Máy nghiền đồng thể Benchmark D1000; Bộ bảo quản mẫu bằng Nito lỏng
10	BM Hữu cơ	Máy cất quay CK chuyên dụng R 200 Basic; Tủ sấy Heraeus T5050; Máy cất quay chân không; Bể điều nhiệt tuần hoàn lạnh; Máy đo nhiệt độ nóng chảy MPA; Tủ đá Gelin Electric; Kính hiển vi 2 mắt và phụ kiện MBL-2000S; Thiết bị phản ứng áp

		lực LAB AUTOCLAVE; Thiết bị phản ứng sử dụng kỹ thuật vi sóng Sineo Uwave 1000; Thiết bị phản ứng nhiệt độ -80C Greatwall Scientific DHJF800; Bơm chân không tuần hoàn nước Herlab, SHB-III; Tủ lạnh bảo quản mẫu Alaska IF21 .
11	BM Thực vật	Kính hiển vi 2 mắt; Kính hiển vi truyền hình Camera DMLS Leica; Kính lúp soi nổi Nikon SMZ-2T-D; Máy cắt tiêu bản HM 325 Microm Carl Zeiss; Máy làm tiêu bản AP 280 Microm Carl Zeiss; Máy ly tâm để bàn EBA 20 Hettich; Nồi hấp tiệt trùng Sanyo MLS- 2420; Tủ ẩm Memmert BE-500; Tủ sấy hiện số Shelaf 1350 FX-2E; Buồng pha chế vô khuẩn LHC -4AX ESCO; Tủ lạnh sâu MDF C8V; Bơm chân không tuần hoàn nước; Máy lắc ổn nhiệt; Máy cắt quay chân không; Máy xay được liệu CFS; Máy điện di AND và phụ kiện; Hệ thống soi và chụp ảnh gen và phụ kiện; Máy nhân gen và phụ kiện; Máy ly tâm lạnh và phụ kiện; Máy điện di AND và phụ kiện; Bể ổn nhiệt; Tủ lạnh -30°C MDF-U333 SANYO; Hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao Camag+ phụ kiện; Kính hiển vi nổi camera,máy tính(Eclipse Ci-L)520-526NSADBTW; Kính hiển vi soi nổi kết nối camera,máy tính (520-526ADBTW); Nồi hấp tiệt trùng 501 (HV50 Hirayama) (520-526NSADBTW); Tủ ẩm MIR-262-PK Panasonic (520-526NSADBTW); Máy khử trùng chống mốc (520-526NSADBTW)
12	BM Vật lý - Hóa lý	Bộ dụng cụ dùng để xác định tỷ trọng Precisa; Bể điều nhiệt tuần hoàn Uni 200 Raypa TBN; Cầu Wheatstone; Khúc xạ kế A-Kruss AR-4 ABBE; Máy đo áp suất thẩm thấu OSMAT 030 GONOTEC; Máy đo độ dẫn để bàn EC 214; Máy khuấy cơ Velp; Máy ly tâm để bàn Hermle; Tủ ẩm 50 TA Vietronic; Phân cực kế A- Kruss P 1000; Quang phổ UV- VIS U1800 Hitachi; Tủ sấy ED 115 Binder; Máy đo độ nhớt kiểu Prolab; Máy đo độ nhớt quay kiểu Brookfield; Cân phù nhiệt MORH; Máy đo nhiệt độ nóng chảy; Máy đo độ bền Gel CT3; Khúc xạ kế tự động hiện số DR6100; Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao; Kính hiển vi 2 mắt Akruss; Máy chuẩn độ điện thế; Máy đo độ dẫn điện Metler Toledo S30; Máy chuẩn độ điện thế Metler Toledo S20; Bộ thí nghiệm mạch cầu; Máy đo PH Metler Toledo FE 20 Kit; Kính hiển vi nổi camera,máy tính(Eclipse Ci-L)520-526NSADBTW; Máy chuẩn độ điện thế tự động (520-526NSADBTW); Máy xay keo (520-526NSADBTW); Máy đo hằng số điện môi (520-526NSADBTW); Máy đồng nhất hóa áp suất cao (520-526NSADBTW); Máy đo áp suất thẩm thấuGonotec-Osmomat 3000 (520-526ADBNS); Máy đồng hóa bằng siêu âm UP 200Ht; Cân phân tích điện tử Precisa ES 225SM-DR (520-526NSADBTW); Bộ vi chiết pha rắn
13	BM Vi sinh - Sinh học	Bàn lắc 2 tầng cho máy lắc BR 300 LF-TAITEC; Buồng nuôi cấy vi sinh Hepa Sanyo 711 ATS; Kính hiển vi 2 mắt; Kính hiển vi có camera Carl Zeiss/Sony; Máy lắc điều nhiệt nhiều chỗ BR 3000 LF-TAITEC; Máy lắc để bàn 3017-GFL-Dức; Máy ly tâm để bàn Hermle; Nồi hấp tiệt trùng HV 25; Nồi hấp tiệt trùng HIRAYAMA- HVE25; Tủ ẩm 53 lít BD53 Binder; Tủ lạnh MDF 236 Sanyo; Tủ sấy hiện số Shelaf 1350 FX-2E; Máy cắt quay chân không; Máy quang phổ UV- VISS; Máy ly tâm lạnh siêu tốc Hermle Z325K; Máy điện di ngang trên giấy thạch Consort E3400; Máy điện di ứng Consort E4100; Tủ nuôi cấy vô trùng SC2-4A1 (Esco-Singapore)520-526NSADBTW; Tủ ẩm CO2 (MCO-18AC-PB) Panasonic

		(520-526NSADBTW)
14	BM Hóa Đại cương - Vô Cơ	Kính hiển vi 2 mắt; Bể siêu âm để rửa dụng cụ LC60/H Elma; Lò vô cơ hóa mẫu V800 Larsal; Ly tâm ống để bàn Rotofix32 Hettich; Máy đo PH WTW 730; Máy cất nước 2 lần WSC- 4D Haminton; Máy khuấy kiểu mô tơ ES; Quang phổ UV-VIS U1800 HITACHI; Tủ sấy chân không Shelab 1430; Máy ly tâm; Máy đo PH Mettler Toledo FE20 Kít; Lò nung Nabertherm L5/11
15	BM Y học cơ sở	Tủ lạnh sâu Sanyo MDF-435 429 lít; Kính hiển vi 2 mắt; Mô hình người; Tủ sấy để bàn WOF- 105 Daihan; Cân phân tích Saturius; Bếp ủ ổn nhiệt WEB-8; Máy ly tâm thường Hettich, EBA20; Máy Kimograph PANLAB; Chuồng Mê lộ; Máy phân tích huyết học TECO; Máy quang phổ UV-VIS SP3000 Nano; Máy Kimograph Panlab; Máy đo sinh hóa máu TECO, TC3300Plus; Máy phân tích xét nghiệm nước tiểu TECO,TC101; Kính hiển vi truyền hình + Tivi + Máy ảnh; Hệ thống Elisa (Bio-Rad Laboratories) (520-526NSADBTW); Thiết bị đo rối loạn hô hấp của động vật; Thiết bị đo rối loạn hô hấp của động vật; Máy đo dung tích sống Dalco&Bird Wet Spirometer; Máy đo dung tích sống Dalco&Bird Wet Spirometer; Hệ thống đa phương tiện mô phỏng giảng dạy SL (520-526NSADBTW)
16	Viện CNDP QG	Bơm hút chân không Leybord DIVAC 0,6L; Bộ lọc nước siêu sạch Easypure RF Barsted; Hệ thống sắc ký bản mỏng Camag; Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC Thermo Fingan (+ v/c; Máy đo điểm chảy Sanyo Gallen Kamp; Máy cất nước 2 lần WSC 008; Máy ly tâm để bàn EBA 20 Hettich; Tủ sấy Memmert ULM -500; Tủ lạnh sâu MDF -U333; Tủ sấy chân không; Máy đo độ hòa tan; Hệ thống thiết bị làm bay hơi dung môi; Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Model 1260; Máy phân tích nhiệt DSC Mettler Toledo; Máy thử độ mài mòn viên thuốc Erweka,TAR120; Máy đo độ trơn chảy của hạt Erweka, GTL; Máy đo khối lượng riêng của bột Erweka, SVM223; Phân cực kế AKRUSS, P-1000-LED; Máy quang phổ UV-VIS SP 3000 Nano; Máy ly tâm lạnh siêu tốc Helmre Micro 220R; Máy cất quay chân không BUCHI R3; Máy bao viên mini CALEVA MCD2; Máy đánh giá giải phóng thuốc qua Hanson Reasearch; Máy ly tâm lạnh siêu tốc Hermle Z326K; Máy dập viên quay tròn 8 chày dùng cho phòng TN Labpress II; Tủ sấy 150 lít Daihan Scientific, WOF-155; Hệ thống chiết siêu tới hạn và tạo hạt Separex 490-502ADBNS; Máy khuấy từ gia nhiệt Daihan Scientific, MSH-20A; Tủ sấy chân không LVO 2040 Daihan Labtech (520-526NSADBTW); Máy đo độ cứng viên thuốc Pharmatest PTB - 311E; Bể rửa siêu âm khoảng 6 lít Daihan WUC-A06H; Máy quang phổ hồng ngoại IR Jasco 6700 (kèm M.tính, M.in); Thiết bị xử lý mẫu bằng phương pháp chiết pha lỏng-lỏng; Tủ bảo quản chất chuẩn, chất đối chiếu Haier HYC-940; Tủ vi khí hậu Climacell Deayang TH-180S; Máy thử độ đã Pharmatest DIST 3; Máy cung cấp khí Nitrogen cho xử lý mẫu; Tủ lạnh sâu bảo quản mẫu sinh học Haier DW-86W420; Máy đo hàm lượng nước Karri-Fisher V20, Metler Toledo; Máy khuấy tốc độ cao (520-526NSADBTW); Máy sấy và bao tăng sôi (520-526NSADBTW); Máy trộn cao tốc tạo hạt (520-526NSADBTW); Hệ thống phân tích khối phổ LCMSMS/ESI/APCI(520-526NSADBTW); Máy đồng hóa bằng siêu âm Sonic VCX-130; Máy ly tâm 8000 vòng/phút Hettich EBA 200S;

		Máy thử độ hòa tan 8 cốc hút tự động (520-526 ADBNS); Máy dập viên 2 lớp 8 chày(gồm máy hút bụi CN) (520-526ADBNS); Máy đun - vo tạo cầu Caleva-Mini batch kit (520-526NSADBTW); Máy cắt nước 2 lần
--	--	---

3.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	06
3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	17
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	11
5	Số phòng đa phương tiện	04

3.1.4. Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành VI	- Tài liệu giấy: + Sách: 5.517 bản + Luận án, luận văn, khóa luận: 6.377 bản + Bài trích tạp chí: 53.502 bài tạp chí - Cơ sở dữ liệu điện tử: + Sách: 1.910 file + Luận án, luận văn, khóa luận: 4.687 file + Tạp chí Việt: 918 file + Tạp chí nước ngoài: liên kết với CSDL của HINARI, PUBMED

3.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

Nhóm ngành VI		Chức danh		Bằng tốt nghiệp thứ nhất			
STT	Họ và tên	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
1	Nguyễn Đăng Hoà	x				x	
2	Phạm Thị Minh Huệ	x				x	
3	Vũ Thị Thu Giang					x	
4	Trần Thị Hải Yến					x	

STT	Họ và tên	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
5	Nguyễn Thị Mai Anh					x	
6	Nguyễn Trần Linh					x	
7	Nguyễn Thạch Tùng					x	
8	Phạm Bảo Tùng					x	
9	Dương Văn Tú				x		
10	Nguyễn Văn Lâm				x		
11	Dương Thị Hồng Ánh			x			
12	Vũ Ngọc Mai			x			
13	Đào Minh Huy			x			
14	Nguyễn Đình Luyện	x				x	
15	Lê Ngọc Khánh			x			
16	Trần Trọng Biên			x			
17	Lê Thị Thu Hoà				x		
18	Nguyễn Thị Trinh Lan				x		
19	Đào Nguyệt Sương Huyền				x		
20	Nguyễn Văn Giang				x		
21	Nguyễn Khắc Tiệp				x		
22	Trần Ngọc Bảo				x		
23	Đàm Thanh Xuân					x	
24	Nguyễn Thị Thanh Duyên					x	
25	Nguyễn Văn Hân					x	
26	Nguyễn Văn Hải					x	
27	Nguyễn Phúc Nghĩa					x	
28	Nguyễn Mạnh Tuyển	x				x	
29	Vũ Văn Điền	x				x	
30	Bùi Hồng Cường					x	
31	Đào Thị Thanh Hiền					x	
32	Hà Vân Oanh					x	
33	Phạm Thái Hà Văn				x		
34	Chữ Thị Thanh Huyền				x		
35	Nguyễn Thị Liên Hương	x				x	
36	Cao Thị Bích Thảo				x		
37	Hoàng Hà Phương				x		
38	Đồng Thị Xuân Phương				x		
39	Nguyễn Thị Hồng Hạnh				x		
40	Nguyễn Thị Thảo				x		
41	Nguyễn Tứ Sơn				x		
42	Trịnh Trung Hiếu				x		
43	Lê Bá Hải				x		

STT	Họ và tên	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
44	Phạm Thị Thuý Vân					x	
45	Nguyễn Thành Hải					x	
46	Vũ Đình Hoà					x	
47	Nguyễn Viết Thân	x				x	
48	Nguyễn Hoàng Tuấn					x	
49	Nguyễn Quỳnh Chi					x	
50	Phạm Tuấn Anh				x		
51	Thân Thị Kiều My				x		
52	Lê Thanh Bình				x		
53	Nguyễn Thu Hằng	x				x	
54	Nguyễn Thanh Tùng			x			
55	Đào Thị Vui	x				x	
56	Nguyễn Thuý Dương					x	
57	Đỗ Thị Nguyệt Quế					x	
58	Trần Hồng Linh				x		
59	Ngô Thanh Hoa				x		
60	Nguyễn Thu Hằng				x		
61	Phạm Đức Vình			x			
62	Phạm Thế Hải					x	
63	Đoàn Hồng Mạnh (*)			x			
64	Vương Viết Hoàng (*)			x			
65	Nguyễn Trọng Đức (*)			x			
66	Phạm Chí Công (*)			x			
67	Vũ Đình Tuấn			x			
68	Trần Quang Long			x			
69	Vũ Tiến Thành			x			
70	Đỗ Mạnh Dũng			x			
71	Hoàng Thị Tuyết Nhung					x	
72	Nguyễn Nhị Hà					x	
73	Nguyễn Thị Ngọc Hà					x	
74	Lê Đình Quang				x		
75	Trần Đình Nghĩa				x		
76	Mai Xuân Bách				x		
77	Nguyễn Phương Nhung				x		
78	Nguyễn Hải Nam		x			x	
79	Phan Thị Phương Dung	x				x	
80	Nguyễn Thị Thuận					x	
81	Đào Thị Kim Oanh					x	
82	Trần Phương Thảo					x	

STT	Họ và tên	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
83	Đỗ Thị Thanh Thủy				x		
84	Đỗ Thị Mai Dung			x			
85	Đinh Thị Thanh Hải	x				x	
86	Văn Thị Mỹ Huệ					x	
87	Vũ Trần Anh	x				x	
88	Hoàng Thu Trang				x		
89	Bùi Thị Thanh Hà				x		
90	Ngô Xuân Hoàng				x		
91	Nguyễn Công Trường			x			
92	Thái Nguyễn Hùng Thu		x			x	
93	Trần Nguyên Hà					x	
94	Vũ Đặng Hoàng	x				x	
95	Lê Đình Chi					x	
96	Phạm Thị Thanh Hà	x				x	
97	Nguyễn Lâm Hồng				x		
98	Tổng Thị Thanh Vượng				x		
99	Bùi Đình Sơn				x		
100	Đặng Thị Ngọc Lan				x		
101	Vũ Ngân Bình				x		
102	Nguyễn Thị Thuỳ Linh				x		
103	Phạm Lê Minh				x		
104	Vũ Tùng Lâm				x		
105	Ngô Minh Thúy				x		
106	Nguyễn Hoàng Lê				x		
107	Nguyễn Mai Hương			x			
108	Nguyễn Văn Rư	x				x	
109	Phùng Thanh Hương	x				x	
110	Nguyễn Thị Lập	x				x	
111	Đỗ Hồng Quảng					x	
112	Đào Thị Mai Anh					x	
113	Nguyễn Thị Loan				x		
114	Nguyễn Thị Mai Hương				x		
115	Nguyễn Xuân Bắc				x		
116	Mai Văn Hiên			x			
117	Vũ Văn Vinh					x	
118	Lê Thị Lan Anh				x		
119	Lê Thị Nga				x		
120	Trần Thị Giang Thanh				x		
121	Lê Thị Thảo				x		

STT	Họ và tên	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
122	Vũ Thị Thảo				X		
123	Nguyễn Đỗ Thu Hoài				X		
124	Nguyễn Thị Thanh Vân				X		
125	Nguyễn Thị Lệ Thi			X			
126	Vũ Thị Nhung			X			
127	Lê Tổ Hương			X			
128	Nguyễn Văn Anh				X		
129	Nguyễn Thanh Bình		X			X	
130	Nguyễn Thị Thanh Hương	X				X	
131	Đỗ Xuân Thắng					X	
132	Nguyễn Thị Phương Nhung					X	
133	Trần Thị Lan Anh				X		
134	Vũ Thuỳ Dương				X		
135	Phạm Nữ Hạnh Vân				X		
136	Lê Thu Thủy				X		
137	Nguyễn Thị Phương Thuý				X		
138	Nguyễn Thị Hà				X		
139	Lã Thị Quỳnh Liên			X			
140	Nguyễn Vĩnh Nam				X		
141	Nguyễn Phương Chi			X			
142	Kiều Thị Tuyết Mai			X			
143	Dương Viết Tuấn				X		
144	Trần Văn Ôn	X				X	
145	Hoàng Quỳnh Hoa					X	
146	Phạm Hà Thanh Tùng				X		
147	Nghiêm Đức Trọng				X		
148	Phạm Thị Linh Giang			X			
149	Phạm Thị Hồng Cẩm				X		
150	Phạm Đình Thắng				X		
151	Hoàng Nguyên Phong				X		
152	Quách Thị Sen				X		
153	Đỗ Thành Long			X			
154	Nguyễn Đức Thiện					X	
155	Võ Quốc Ánh				X		
156	Nguyễn Anh Vũ				X		
157	Trần Thị Huyền				X		
158	Lê Thị Thu Trang				X		
159	Lý Công Thành				X		
160	Vũ Thị Hồng Hạnh				X		

STT	Họ và tên	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
161	Nguyễn Thị Hồng Đức				x		
162	Lê Xuân Kỳ			x			
163	Đào Văn Nam			x			
164	Cao Văn Thu	x				x	
165	Đỗ Ngọc Quang					x	
166	Trần Trịnh Công					x	
167	Lê Thị Thu Hương				x		
168	Nguyễn Liên Hương				x		
169	Nguyễn Quỳnh Lê					x	
170	Tạ Thu Lan				x		
171	Nguyễn Đức Minh			x			
172	Nguyễn Thị Hiền				x		
173	Nguyễn Thị Hương Giang				x		
174	Trần Thị Thanh Huyền				x		
175	Nguyễn Thị Phương Lan				x		
176	Phan Thị Tổ Như				x		
177	Nguyễn Nữ Hải Yến				x		
178	Phan Thu Hằng			x			
179	Nguyễn Hoàng Long			x			
180	Phạm Hoàng Diệu Linh				x		
181	Trần Văn Nam				x		
182	Vũ Xuân Giang					x	
183	Trần Thị Lan Hương				x		
184	Phan Lê Bình Mai				x		
185	Trần Quang Tuyền				x		
186	Lê Phan Tuấn				x		
187	Kiều Thị Hồng				x		
188	Nguyễn Tường Vy	x				x	
189	Nguyễn Thuỳ Dương				x		
190	Đoàn Minh Sang				x		
191	Đỗ Quyên	x				x	
192	Nguyễn Thị Kiều Anh	x				x	
193	Nguyễn Thái An	x				x	
194	Chu Lê Mai				x		
195	Nguyễn Thị Song Hà	x				x	
196	Phan Thị Thanh Hà				x		
197	Nguyễn Hoàng Anh	x				x	
198	Nguyễn Phương Thuý				x		
199	Võ Thị Thu Thuý				x		

STT	Họ và tên	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
200	Nguyễn Ngọc Chiến	x				x	
201	Nguyễn Hạnh Thủy				x		
202	Phạm Thị Hiền				x		
203	Bùi Thị Lan Phương				x		

Ghi chú: (*) có 04 giảng viên Giáo dục quốc phòng là cán bộ biệt phái của Học viện Quân y.

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đăng Hòa